

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LONG XUYỀN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **24/2021/HNGĐ-ST**

Ngày: 19-01-2021

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYỀN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Bé Thu

Các Hội Thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Hữu Đức;

2. Bà Đoàn Kim Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Thành Thái, là Thư ký Tòa án, của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân thành phố Long Xuyên tham gia phiên tòa:
Ông Lê Hoàng Nhựt - Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành Phố Long Xuyên, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 709/2020/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 455/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Đoàn Thanh Ph, sinh năm 1983 (Có mặt)

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện tại: khóm BĐ, phường BĐ, thành phố LX, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Bà Lê Thị Th, sinh năm 1987 (Có mặt)

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: khóm BĐ, phường BĐ, thành phố LX, tỉnh An Giang.

Chỗ ở hiện tại: Tổ 7, ấp HL3, thị trấn AC, huyện CT, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Căn cứ đơn khởi kiện đề ngày 29 tháng 10 năm 2020 và quá trình hòa giải

nguyên đơn ông Đoàn Thanh Ph thể hiện nội dung và yêu cầu khởi kiện như sau:

Ông Đoàn Thanh Ph và bà Lê Thị Th được sự mai mối. Sau thời gian tìm hiểu ông, bà đi đến hôn nhân. Đây là hôn nhân lần thứ nhất của cả hai trên cơ sở tự nguyện và có thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường BD vào ngày 30/10/2013. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng ý kiến. Bà Th tự ý bỏ ra sống riêng từ ngày 26/3/2020 cho đến nay. Ông đã cố gắng năn nỉ bà Th nhiều lần để về lo cho gia đình nhưng bà Th không chịu về. Hiện tại cả hai đã hết tình cảm với nhau, hạnh phúc gia đình không thể hàn gắn nên ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: Ly hôn với bà Lê Thị Th;

- Về con chung: Ông và bà Th có hai con chung Đoàn Lê Cẩm T, sinh ngày 15/9/2014 và Đoàn Lê Thanh L, sinh ngày 15/12/2016. Hiện hai con đang sống với ông nên khi ly hôn ông yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu bà Th cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung trong thời kỳ hôn nhân: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn bà Lê Thị Th trình bày ý kiến tại tờ tự khai ngày 16/11/2020 và quá trình hòa giải như sau:

Bà và ông Đoàn Thanh Ph tiến đến hôn nhân vào năm 2013, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn như ông Ph trình bày. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng hai năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng trong cuộc sống, bất đồng trong xử lý chuyện nội bộ gia đình,... nên cả hai luôn bất hòa, không tìm được hạnh phúc. Từ tháng 4/2020 cả hai đã ly thân cho đến nay. Nhận thấy tình cảm không còn nên bà đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông Ph.

Đối với hai con chung Đoàn Lê Cẩm T, sinh ngày 15/9/2014 và Đoàn Lê Thanh L, sinh ngày 15/12/2016 khi ly hôn bà yêu cầu được nuôi và không yêu cầu ông Ph cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung trong thời kỳ hôn nhân: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện: Ly hôn với bà Lê Thị Th; yêu cầu được nuôi hai con chung Đoàn Lê Cẩm T sinh ngày 15/9/2014 và Đoàn Lê Thanh L sinh ngày 15/12/2016, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con; tài sản chung và nợ chung trong thời kỳ hôn nhân tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn đồng ý ly hôn theo yêu cầu của nguyên đơn; yêu cầu được hai con chung Đoàn Lê Cẩm T sinh ngày 15/9/2014 và Đoàn Lê Thanh L sinh ngày 15/12/2016, không yêu cầu ông Ph cấp dưỡng; tài sản chung và nợ chung trong thời kỳ hôn nhân tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Ph; giao hai con chung Đoàn Lê Cẩm T, sinh ngày 15/9/2014 và Đoàn Lê Thanh L, sinh ngày 15/12/2016 cho ông Ph tiếp tục nuôi dưỡng; không xem xét việc cấp dưỡng nuôi con do ông Ph không yêu cầu; tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không xét đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về Th quyền giải quyết vụ án: Ông Đoàn Thanh Ph khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn với bà Lê Thị Th. Do đó, Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bà Th có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại thành phố Long Xuyên nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên thụ lý là đúng thẩm quyền.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Ông Ph và bà Th tiến đến hôn nhân và có thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân phường BĐ vào ngày 30/10/2013. Hiện tại do cuộc hôn nhân của cả hai không còn hạnh phúc nên ông Ph yêu cầu được ly hôn với bà Th. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã phân tích, động viên, hòa giải để ông Ph và bà Th giải quyết mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm vợ chồng, quay về cùng lo cho hai con. Tuy nhiên, ông Ph cương quyết ly hôn và bà Th cũng muốn ly hôn mà không chịu quay về chung sống với ông Ph. Vợ chồng, phải có nghĩa vụ yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Trong cuộc hôn nhân giữa ông Ph và bà Th hiện tại ông, bà lại không thực hiện các nghĩa vụ này. Đồng thời, hôn nhân phải được xây dựng trên cơ sở tự nguyện nhưng cả ông Ph và bà Th đều không muốn tiếp tục cuộc hôn nhân của mình. Do đó, Hội đồng xét xử không có căn cứ duy trì cuộc hôn nhân của ông, bà. Yêu cầu ly hôn của ông Ph được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Ông Ph và bà Th có 02 con chung Đoàn Lê Cẩm T, sinh ngày 15/9/2014 và Đoàn Lê Thanh L, sinh ngày 15/12/2016. Khi ly hôn ông Ph và bà Th đều có yêu cầu được nuôi hai con chung. Hiện con chung đang được ông Ph chăm sóc. Hai cháu cũng đang phát triển bình thường. Thời gian ly thân ông Ph không cấm cản bà Th thăm con. Bà Th không đến nhà ông Ph thăm con là do mâu thuẫn với mẹ chồng, sợ có những lời không hay ảnh hưởng đến con nên bà chỉ thăm con ở trường. Mặc dù, cả ông Ph và bà Th đều có yêu cầu nuôi con, đều cho rằng mình có đủ điều kiện kinh tế để nuôi con. Tuy nhiên, thời gian qua hai con được ông

Ph nuôi dưỡng nên để bảo đảm ổn định về mặt tinh thần, cuộc sống hiện tại của hai cháu khi cha mẹ ly hôn Hội đồng xét xử quyết định giao 02 con chung cho ông Ph nuôi dưỡng.

Ông Ph cùng các thành viên gia đình của ông Ph không được cản trở bà Th trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Trường hợp bà Th lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì ông Ph có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của bà Th.

Ông Ph phải tạo điều kiện cho bà Th trong việc trông nom, chăm sóc và giáo dục con chung. Việc nuôi con chung không cố định.

Đối với việc cấp dưỡng nuôi con do ông Ph không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung trong thời kỳ hôn nhân: Ông Ph và bà Th tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông Ph phải nộp theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, 186, Điều 271, 273, 278 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

- Điểm a Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Đoàn Thanh Ph với bà Lê Thị Th.

Giấy chứng nhận kết hôn số 125 do Ủy ban nhân dân phường BĐ, thành phố LX, tỉnh An Giang cấp cho ông Đoàn Thanh Ph và Lê Thị Th, ngày 30/10/2013 hết hiệu lực kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2/ Về con chung: Giao con chung Đoàn Lê Cẩm T, sinh ngày 15/9/2014 và Đoàn Lê Thanh L, sinh ngày 15/12/2016 cho ông Ph trực tiếp nuôi dưỡng đến lúc trưởng thành. Bà Th không phải cấp dưỡng nuôi con do ông Ph không yêu cầu.

Ông Ph cùng các thành viên gia đình của ông Ph không được cản trở bà Th trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trường hợp bà Th lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì ông Ph có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của bà Th.

Ông Ph phải tạo điều kiện cho bà Th trong việc trông nom, chăm sóc và giáo dục con chung. Việc nuôi con chung không cố định.

3/ Về tài sản chung, nợ chung trong thời kỳ hôn nhân: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4/ Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông Đoàn Thanh Ph phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ Th nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007687 ngày 29 tháng 10 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Long Xuyên. Ông Ph đã nộp đủ.

5/ Về quyền kháng cáo: Ông Ph, bà Th được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Viện Kiểm sát nhân dân TPLX;
- Chi cục Thi hành án dân sự TPLX;
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Lưu Văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ TH
TH PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Bé Thu